



**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
HÀNG HẢI VIỆT NAM**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013**



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thông tin về Ngân hàng

Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số 0001/NH-GP Ngày 8 tháng 6 năm 1991

Giấy phép hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Francis Andrew Rozario	Phó chủ tịch
Ông Đào Trọng Khanh	Phó chủ tịch
Bà Vũ Thị Liên	Thành viên
Ông Vũ Đức Nhuận	Thành viên

Ban Điều hành

Ông Atul Malik	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Quảng	Phó Tổng Giám đốc
	Giám đốc Khối Quản lý rủi ro
Ông Nguyễn Hoàng An	Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp lớn
Bà Dương Thị Mai Hoa	Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp
Bà Nguyễn Hương Loan	Tổng Giám đốc Ngân hàng Định chế tài chính
Ông Phùng Duy Khương	Tổng Giám đốc Ngân hàng cá nhân
Ông Nilesh Ratil Banglorewala	Giám đốc Khối Quản lý tài chính
Bà Nguyễn Thị Lữ	Kế toán Trưởng
Ông Tạ Ngọc Đa	Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng
Ông Trần Thanh Nam	Giám đốc Khối Công nghệ và Vận hành
Ông Trương Thanh Đức	Giám đốc Ban Pháp chế & Giám sát tuân thủ
Ông Hoàng Xuân Hiệp	Giám đốc Ban Quản lý tín dụng và đầu tư
Ông Lê Quang Vu	Tổng Giám đốc Ngân hàng đại chúng

Trụ sở đăng ký Số 88, Phố Láng Hạ
Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM

Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm, theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Điều hành Ngân hàng:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập và trình bày để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (“Ngân hàng”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Ngân hàng cho rằng Ngân hàng sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Thay mặt Ban Điều hành,



Atul Malik
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2013

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi các cổ đông****NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (“Ngân hàng”) và công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 08 năm 2013. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 là báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đầu tiên được soát xét. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu giới hạn ở việc phỏng vấn cán bộ của Ngân hàng và công ty con và áp dụng các thủ tục phân tích đối với các số liệu tài chính. Do đó, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn so với một cuộc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện một cuộc kiểm toán và do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 trong báo cáo kiểm toán ngày 18 tháng 3 năm 2013.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 13-02-022/1



Trần Đình Vinh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0339-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2013

Nguyễn Tâm Anh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0651-2013-007-1

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM

Mẫu B02a/TCTD-HN

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

	Thuyết minh	30/6/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND	
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt và vàng	4	1.577.473	987.535
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	1.353.585	4.499.702
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	30.576.883	28.985.403
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		16.536.745	17.955.227
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		14.236.235	11.084.589
3	Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác		(196.097)	(54.413)
IV	Chứng khoán kinh doanh	7	58.594	57.270
1	Chứng khoán kinh doanh		82.832	93.201
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(24.238)	(35.931)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	58.325
VI	Cho vay khách hàng		26.499.784	28.193.028
1	Cho vay khách hàng	8	27.276.992	28.943.630
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(777.208)	(750.602)
VII	Chứng khoán đầu tư	10	28.296.091	30.237.353
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		28.481.836	30.388.907
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(185.745)	(151.554)
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	2.001.188	2.103.488
1	Đầu tư vào công ty con		-	-
4	Đầu tư dài hạn khác		2.002.566	2.109.273
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(1.378)	(5.785)
IX	Tài sản cố định		829.983	900.846
1	Tài sản cố định hữu hình	12	311.821	355.951
A	Nguyên giá		488.350	527.937
B	Giá trị hao mòn lũy kế		(176.529)	(171.986)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	13	293.149	296.438
A	Nguyên giá		312.780	312.780
B	Giá trị hao mòn lũy kế		(19.631)	(16.342)
3	Tài sản cố định vô hình	14	225.013	248.457
A	Nguyên giá		292.018	308.511
B	Giá trị hao mòn lũy kế		(67.005)	(60.054)
X	Bất động sản đầu tư	15	1.014.676	1.023.789
a	Nguyên giá bất động sản đầu tư		1.062.923	1.061.315
b	Hao mòn bất động sản đầu tư		(48.247)	(37.526)
XI	Tài sản Có khác	16	16.447.441	12.876.637
1	Các khoản phải thu		12.759.930	9.011.234
2	Các khoản lãi, phí phải thu		3.781.529	3.670.346
3	Các khoản phải thu NSNN		-	25.924
4	Tài sản Có khác		319.293	311.002
5	Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(413.311)	(141.869)
	TỔNG TÀI SẢN		108.655.698	109.923.376

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B02a/TCTD-HN

	Thuyết minh	30/6/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
	NỢ PHẢI TRẢ		
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	17	52.064
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	18	25.658.379
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	15.853.904	17.615.920
2	Vay các tổ chức tín dụng khác	9.804.475	12.619.064
III	Tiền gửi của khách hàng	19	66.155.126
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		865
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	20	143.444
VI	Phát hành giấy tờ có giá	21	2.295.002
VII	Các khoản nợ khác	22	5.097.476
1	Các khoản lãi, phí phải trả	1.944.461	1.438.049
2	Thuế phải trả	51.566	-
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	3.080.065	1.778.470
4	Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng	21.384	25.338
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	99.402.356	100.833.345
	VỐN CHỦ SỞ HỮU		
VIII	Vốn và các quỹ	23	9.253.342
1	Vốn cổ phần	8.352.676	8.352.692
a	Vốn điều lệ	8.000.000	8.000.000
b	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	607	607
c	Thặng dư vốn cổ phần	400.000	400.000
d	Cổ phiếu quỹ	(47.931)	(47.915)
2	Các quỹ	462.317	467.511
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(16.955)	-
5	Lợi nhuận chưa phân phối	455.304	269.828
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	9.253.342	9.090.031
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	108.655.698	109.923.376

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM Mẫu B02a/TCTD-HN
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013
 (tiếp theo)

	30/6/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
I NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN	1.901.253	2.433.825
1 Bảo lãnh vay vốn	-	10.000
2 Cam kết trong nghiệp vụ L/C	603.246	624.399
3 Bảo lãnh khác	1.298.007	1.799.426

Người lập



Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Kế toán viên

Người phê duyệt



Nguyễn Thị Lũy
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



AM-LH
Atul Malik
Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho
giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B03a/TCTD-HN

	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 Triệu VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 Triệu VND
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	4.395.454	6.862.733
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	(3.445.942)	(5.451.569)
I Thu nhập lãi thuần	24	949.512	1.411.164
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	25	71.898	91.897
4 Chi phí hoạt động dịch vụ	25	(78.294)	(61.350)
II (Lỗ)/thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ	25	(6.396)	30.547
III Lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối và vàng	26	69.270	27.849
IV Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	27	7.595	325
V Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28	551.719	180.127
5 Thu nhập từ hoạt động khác		433.533	257.150
6 Chi phí hoạt động khác		219.171	17.488
VI Thu nhập thuần từ hoạt động khác	29	214.362	239.662
VII Thu nhập thuần từ góp vốn, mua cổ phần	30	31.275	37.106
VIII Chi phí hoạt động	31	972.247	743.928
IX Lợi nhuận trước chi phí dự phòng		845.088	1.182.850
X Chi phí dự phòng	32	591.398	124.674
XI Tổng lợi nhuận trước thuế		253.690	1.058.176
7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	68.231	5.196
XII Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		68.231	5.196
XIII Lợi nhuận sau thuế		185.459	1.052.980
XV Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	34	234	1.320

Người lập



Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Kế toán viên

Người phê duyệt



Nguyễn Thị Lũy
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Atul Malik
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (phương pháp trực tiếp)

Mẫu B04a/TCTD-HN

	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 Triệu VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	4.284.271	6.490.665
02 Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(2.939.529)	(5.642.259)
03 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	(6.398)	30.547
04 Số tiền thực chi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán	646.547	200.021
05 Thu nhập khác	55.757	168.464
06 Chi phí khác	(642.488)	(171.450)
07 Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý bằng nguồn rủi ro	964	2.809
08 Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(475.626)	(580.845)
09 Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	(67.943)	(241.179)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động	855.555	256.773
Thay đổi về tài sản hoạt động		
09 Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(2.003.157)	2.164.464
10 Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh	853.338	7.521.970
11 Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	58.325	(57.058)
12 Cho vay và ứng trước cho khách hàng	1.666.637	5.863.102
13 Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)	(50.414)	(52.556)
14 Tài sản hoạt động khác	(3.412.896)	(2.381.787)
Thay đổi về công nợ hoạt động		
15 Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	(5.277.559)	(4.413.243)
16 Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác	(4.576.606)	8.567.942
17 Tiền gửi của khách hàng	6.568.611	(10.663.202)
18 Giấy tờ có giá	-	(3.816.938)
19 Các khoản vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(1.919)	(246.567)
20 Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	865	-
21 Các công nợ hoạt động khác	1.346.408	1.617.613
22 Chi từ các quỹ	(5.193)	(23.331)
I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	(3.978.005)	4.337.182


Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (phương pháp trực tiếp) (tiếp theo)

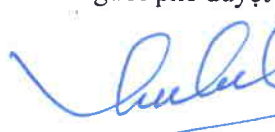
Mẫu B04a/TCTD-HN

	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 Triệu VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01 Mua sắm tài sản cố định	(31.957)	(136.369)
02 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	164	136
04 Mua sắm bất động sản đầu tư	(1.608)	(5.000)
07 Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	(41.543)	(365.255)
08 Tiền thu đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	-	-
09 Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	31.401	37.106
II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(43.543)	(469.382)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
04 Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(21)	-
05 Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ	-	(47.915)
III LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(21)	(47.915)
IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	(4.021.569)	3.819.885
V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU KỲ	19.771.991	21.935.457
VI ĐIỀU CHỈNH ẢNH HƯỞNG CỦA THAY ĐỔI TỶ GIÁ	(16.955)	28.023
VI TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI KỲ (Thuyết minh 35)	15.733.467	25.783.365

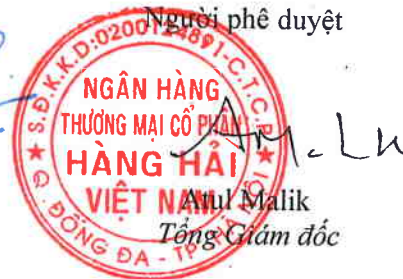
Người lập


 Nguyễn Thị Tuyết Nhung
 Kế toán viên

Người phê duyệt


 Nguyễn Thị Lũy
 Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này